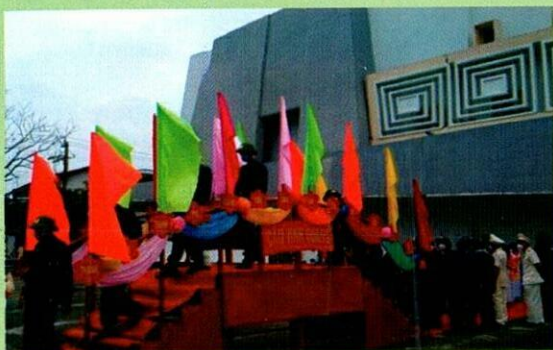




MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

(theo Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015,
Luật Dân quân tự vệ năm 2019; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự,
quốc phòng năm 2025 (gọi tắt là Luật NVQS
2015, Luật DQTV 2019, Luật SĐBS 2025))



Cẩm Thành, năm 2025

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Nghĩa vụ quân sự là gì?

Nghĩa vụ quân sự là *nghĩa vụ vẻ vang* của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân. Thực hiện nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân.

(Khoản 1 Điều 4 Luật NVQS 2015)

2. Đối tượng đăng ký nghĩa vụ quân sự gồm:

2.1. Công dân *nam đủ 17 tuổi* trở lên.

2.2. Công dân *nữ đủ 18 tuổi trở lên có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân.*

(khoản 2 Điều 7 và Điều 12 Luật NVQS 2015)

3. Đối tượng không được đăng ký nghĩa vụ quân sự gồm:

3.1. Công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây không được đăng ký nghĩa vụ quân sự:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế hoặc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích;

b) Đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã hoặc đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

3.2. Khi hết thời hạn áp dụng các biện pháp quy định tại điểm 3.1 khoản này, công dân được đăng ký nghĩa vụ quân sự.

(Điều 13 Luật NVQS 2015, Khoản 3 Điều 4 Luật SĐBS 2025)

4. Đối tượng miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự gồm:

Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần hoặc bệnh mãn tính theo quy định của pháp luật.

(Điều 14 Luật NVQS 2015)

5. Những trường hợp đưa ra khỏi danh sách đăng ký nghĩa vụ quân sự:

5.1. Công dân được đưa ra khỏi danh sách đăng ký nghĩa vụ quân sự trong trường hợp sau đây:

a) Chết;

b) Hết độ tuổi phục vụ trong ngạch dự bị;

c) Trường hợp quy định tại điểm 3.1 khoản 3 hoặc khoản 4 Mục I này.

5.2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có xác nhận của cấp có thẩm quyền, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức có công dân quy định tại điểm 5.1 khoản này phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

(Điều 19 Luật NVQS 2015, Luật SĐBS 2025)

II. CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM

1. **Trốn tránh** thực hiện nghĩa vụ quân sự.

2. **Chống đối, cản trở** việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

3. **Gian dối** trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

4. **Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định** về nghĩa vụ quân sự.

5. **Sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định** của pháp luật.

6. **Xâm phạm thân thể, sức khỏe; xúc phạm danh dự, nhân phẩm** của hạ sĩ quan, binh sĩ.

(Điều 10 Luật LNVQS 2015)

III. QUY ĐỊNH VỀ GỌI CÔNG DÂN NHẬP NGŨ, TẠM HOÃN VÀ MIỄN GỌI NHẬP NGŨ

1. Độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình

Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ **đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi**; công dân được **đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ** thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

(Điều 30 Luật NVQS 2015)

2. Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, binh sĩ là **24 tháng**.

(Khoản 1 Điều 21 Luật NVQS 2015)

3. TẠM HOÃN gọi nhập ngũ đối với những công dân sau:

3.1. Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

3.2. Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

3.3. Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;

3.4. Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ **đang phục vụ tại ngũ**; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ **tham gia Công an nhân dân**;

3.5. Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 03 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định;

3.6. Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

3.7. Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang được đào tạo trình độ **đại học hệ chính quy** thuộc cơ sở giáo dục đại học, **trình độ cao đẳng hệ chính quy** thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.

3.8. Dân quân thường trực.

(Khoản 1 Điều 41 Luật NVQS 2015, được bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 49 Luật DQTV 2019)

4. MIỄN gọi nhập ngũ đối với những công dân sau:

4.1. Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;

4.2. Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;

4.3. Một con của thương binh hạng hai; **một con của bệnh binh** suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81 % trở lên;

4.4. Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân;

4.5. Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.

Công dân thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ, nếu không còn lý do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ. Công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ hoặc được miễn gọi nhập ngũ, nếu tình nguyện thì được xem xét tuyển chọn và gọi nhập ngũ.

(Khoản 2, khoản 3 Điều 41 Luật NVQS 2015)

III. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

1. Chế độ chính sách của công dân trong thời gian đăng ký nghĩa vụ quân sự, khám, kiểm tra sức khỏe

1.1. Công dân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức trong thời gian thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự thì **được trả nguyên lương, tiền tàu xe và các khoản phụ cấp hiện hưởng**.

1.2. Công dân đến đăng ký nghĩa vụ quân sự, khám, kiểm tra sức khỏe **được bảo đảm chế độ ăn, ở** trong thời gian thực hiện đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe, **tiền tàu xe đi, về**.

(Khoản 1, khoản 2 Điều 49 Luật NVQS 2015)

2. Chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời gian phục vụ tại ngũ:

2.1. Được bảo đảm cung cấp kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hàng tháng, nhu yếu phẩm và nhu cầu về văn hóa, tinh thần phù hợp với tính chất nhiệm vụ của quân đội; được bảo đảm chế độ trong các ngày lễ, tết; được bảo đảm chăm sóc sức khỏe khi bị thương, bị ốm đau, bị tai nạn theo quy định của pháp luật;

2.2. Từ tháng thứ mười ba trở đi được nghỉ phép theo chế độ; các trường hợp nghỉ vì lý do đột xuất khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định;

2.3. Từ tháng thứ hai mươi lăm trở đi được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng;

2.4. Được tính nhân khẩu trong gia đình khi gia đình được giao hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà ở và đất canh tác;

2.5. Được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác;

2.6. Được ưu đãi về bưu phí;

2.7. Có thành tích trong chiến đấu, công tác, huấn luyện được khen thưởng theo quy định của pháp luật;

2.8. Trong trường hợp bị thương, bị bệnh khi làm nhiệm vụ thì được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật;

2.9. Được Nhà nước bảo đảm chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế;

2.10. Được tạm hoãn trả và không tính lãi suất khoản vay từ Ngân hàng chính sách xã hội mà trước khi nhập ngũ là thành viên hộ nghèo, học sinh, sinh viên theo quy định của pháp luật;

2.11. Được ưu tiên trong tuyển sinh quân sự.

(Khoản 1 Điều 50 Luật NVQS 2015)

Tài liệu để tuyên truyền pháp luật đến cơ sở năm 2025